

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN KỲ

Số: 169/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Kỳ, ngày 24 tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước  
huyện Tân Kỳ giai đoạn 2021 – 2030**

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình Tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành chỉ thị về việc tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ quyết định số 5158/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước huyện Tân Kỳ giai đoạn 2021 – 2030.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các phòng, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh b/c;
- Sở Nội vụ b/c;
- Thường trực huyện ủy b/c;
- Thường trực HĐND huyện b/c;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND huyện;
- Văn phòng và các Ban của Huyện ủy;
- Mặt trận Tổ quốc huyện;
- Các tổ chức đoàn thể cấp huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phan Văn Giáp



## CHƯƠNG TRÌNH

### Cải cách hành chính nhà nước huyện Tân Kỳ giai đoạn 2021-2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 24/01/2022*

*Của Ủy ban nhân dân huyện Tân Kỳ)*

## I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính của huyện dân chủ, chuyên nghiệp, từng bước hiện đại; hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, có khát vọng phát triển; lấy sự hài lòng của người dân làm mục tiêu phục vụ.

Trọng tâm cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 là: Cải cách thủ tục hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Phấn đấu đến năm 2025: Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT-index) trong nhóm thứ 10 các huyện, thành phố, thị xã; giai đoạn 2026-2030 phấn đấu tăng thứ hạng các chỉ số theo từng năm so với năm 2025.

## II. NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

### 1. Cải cách thể chế

#### a) Mục tiêu

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực chú trọng các thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước, các cơ chế chính sách phát triển kinh tế xã hội; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh.

#### **Đến năm 2025:**

98% văn bản quy phạm pháp luật của huyện được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ đảm bảo chất lượng, khả thi và đúng tiến độ.

98% văn bản pháp luật được triển khai kịp thời, đúng quy định.

#### **Đến năm 2030:**

100% văn bản quy phạm pháp luật của huyện được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ đảm bảo chất lượng, khả thi và đúng tiến độ.

100% văn bản pháp luật được triển khai kịp thời, đúng quy định.

#### b) Nhiệm vụ

Triển khai xây dựng, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ trên cơ sở Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức



chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ chuyên ngành.

Xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định củ pháp luật, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Nâng cao chất lượng, đổi mới, hoàn thiện quy trình ban hành văn bản pháp luật; tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức, các đối tượng chịu sự tác động của văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, nhất quán. Tăng cường công tác tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

Ban hành quy chế phối hợp và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các phòng, ngành, đơn vị, địa phương. Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, xử lý các vấn đề mới phát sinh. Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thi hành pháp luật.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### **a) Mục tiêu**

Cải cách mạnh mẽ, có hiệu quả thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cải cách thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; đổi mới và thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

### **Đến năm 2025:**

Phần đầu đạt từ 20-25% số thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước kiến nghị đơn giản hóa hoặc giảm thời gian thực hiện.

Tối thiểu 85% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 35% trở lên.

Hoàn thành việc triển khai các quy định về đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng phục vụ, giảm thời gian, chi phí, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Phần đầu 60% thủ tục hành chính được tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả tại bộ phận một cửa.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

100% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

### **Đến năm 2030:**



Phân đầu đạt từ 10-15% số thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước kiến nghị đơn giản hóa hoặc giảm thời gian thực hiện so với năm 2025.

100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 60% trở lên.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt trên 90%.

#### b) Nhiệm vụ

Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Thường xuyên rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho cs nhân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; cắt giảm các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý. Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

Cập nhật, công khai thường xuyên, kịp thời thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Cập nhật kịp thời cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Triển khai các quy định về đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị để kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

Phát huy vai trò, tổ chức thực thi đầy đủ nhiệm vụ các chuyên ngành đề nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

#### a. Mục tiêu

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, với mục tiêu khẩn trương hoàn thành việc rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ chuyên ngành.

#### **Đến năm 2025:**

- Đảm bảo các cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện đảm bảo đúng quy định theo Nghị định 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn của UBND huyện không vượt so với quy định.





- Phân đầu giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

**Đến năm 2030:**

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng giảm hợp lý đầu mỗi các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp cấp huyện theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

**b. Nhiệm vụ**

- Triển khai các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước theo quy định.

- Triển khai thí điểm các mô hình mới về tổ chức bộ máy theo định hướng chỉ đạo của Trung ương. Sơ kết, tổng kết, đánh giá, đề xuất những mô hình phù hợp, hiệu quả.

- Rà soát thực hiện các phân công, phân cấp lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; Sắp xếp sáp nhập các thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục triển khai, rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các đơn vị, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

- Triển khai đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả, hiệu quả hoạt động trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường chỉ đạo điều hành, xử lý công việc trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

**4. Cải cách chế độ công vụ**

**a) Mục tiêu**

- Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, dân chủ, công khai, minh bạch. Đổi mới trong công tác bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước.

**Đến năm 2025:**

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

**Đến năm 2030:**



- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín.

#### b) Nhiệm vụ

- Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hoặc ban hành mới các văn bản triển khai các quy định về quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá và đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Triển khai các quy định về chế độ cải cách tiền lương, khen thưởng và các chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo cơ chế tự chủ nếu đủ điều kiện.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; triển khai các hình thức đào tạo, bồi dưỡng mới.

- Xây dựng, triển khai các quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

- Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

### **5. Cải cách tài chính công**

#### a) Mục tiêu

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cấp tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị.

**Đến năm 2025:**



- Phân đầu 86% đơn vị hành chính nhà nước, 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ về sử dụng kinh phí, 5% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính Phủ.

Đến năm 2030:

- Giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021-2025

b) Nhiệm vụ:

Triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo các Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP đối với cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tăng cường các biện pháp để quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu, tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển. Thực hiện cân đối ngân sách địa phương theo hướng tích cực, đảm bảo tỷ lệ hợp lý cho đầu tư phát triển, thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội.

Chuyển từ hỗ trợ cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

a) Mục tiêu

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

**Đến năm 2025:**

- 100% cơ quan, đơn vị được đầu tư đảm bảo hạ tầng phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin.

- Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin điện tử của huyện được kết nối chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công của tỉnh và quốc gia.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công huyện và được tích hợp lên cổng dịch vụ công tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến đạt tỷ lệ tối thiểu 60% tổng số hồ sơ được tiếp nhận.



- 100% tổ chức, cá nhân sử dụng Cổng dịch vụ công được cấp thực định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được kết nối, ứng dụng trên địa bàn huyện, theo lộ trình của Tỉnh; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu mở của huyện kết nối liên thông trên 80% cơ sở dữ liệu của huyện để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời.

- 100% chế độ báo cáo định kỳ của các phòng, ban, ngành, đơn vị, địa phương được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của huyện.

- 100% đơn vị cấp xã đủ điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện các phiên họp giữa huyện và xã thông qua hệ thống họp trực tuyến.

- 80% hồ sơ công việc cấp huyện, và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc bí mật nhà nước).

### **Đến năm 2030:**

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 85%.

- Phát triển cơ sở dữ liệu mở của huyện kết nối liên thông 100% cơ sở dữ liệu của các phòng, ban, ngành đơn vị trên địa bàn huyện để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời; 95% hồ sơ công việc cấp huyện và 85% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên mạng (trừ hồ sơ công việc bí mật nhà nước).

#### **b) Nhiệm vụ**

Rà soát, cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử huyện trên cơ sở bản cập nhật kiến trúc của Tỉnh.

Phát triển hạ tầng truyền dẫn; hệ thống dữ liệu; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả. Phát triển hạ tầng Internet phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số. Xây dựng, phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ tiện ích.

Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của ngành, địa phương. Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi toàn ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử. Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp huyện phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.





Phát triển hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành như: Hệ thống liên thông văn bản; hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi thực hiện nhiệm vụ được giao; Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý, số hóa, lưu trữ hồ sơ; các biểu mẫu, chế độ báo cáo; phát triển các ứng dụng, dịch vụ, nghiệp vụ chuyên ngành, sử dụng chữ ký số, hệ thống làm việc từ xa, tại nhà, ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ mới.

Phát triển, hoàn thiện Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của huyện để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công huyện và tỉnh. Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử.

Xây dựng, phát triển các dịch vụ đô thị văn minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại thị trấn và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

### III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Giai đoạn 2021-2030, công tác cải cách hành chính của huyện triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó giải pháp đột phá là tập trung ưu tiên nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số một cách nhanh chóng, toàn diện trong toàn bộ các cơ quan, tổ chức ở các cấp, cụ thể:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, đôn đốc, kiểm tra thực hiện cải cách hành chính ở các cấp. thực thi đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính; gắn kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm với việc đánh giá người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

2. Trưởng các phòng, Thủ trưởng các cơ quan ban ngành cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý, không giao trách nhiệm chỉ đạo cho cấp phó cơ quan, đơn vị; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, sát đúng quy định và thực tiễn; tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

3. Nâng cao trách nhiệm, năng lực tham mưu của đội ngũ cán bộ, công chức, của cơ quan, bộ phận thường trực cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, phòng, ngành chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính trong Chương trình; công chức tham mưu cải cách hành chính trong cơ quan, đơn vị.

4. Thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp tạo sự đồng thuận, chấp hành và giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp, người dân, doanh nghiệp vào công tác cải cách hành chính.

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan, đơn vị. Thực hiện các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ; có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân. Thường xuyên khảo sát sự hài



lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

6. Thực hiện tốt công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường công tác kiểm tra, chú trọng kiểm tra công vụ, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và xử lý vi phạm.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

8. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Ngân sách huyện đảm bảo kinh phí xây dựng, thực hiện Chương trình, các dự án, đề án cải cách hành chính trên quy mô toàn huyện và hỗ trợ một phần để các phòng, ban, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ lớn, cấp thiết trong khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

2. Các phòng, ban, ngành, đơn vị Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai Chương trình.

#### **V. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

1. Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

a) Căn cứ Chương trình, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách thực hiện cải cách hành chính hàng năm. Lập dự toán kinh phí hàng năm đề nghị hỗ trợ từ ngân sách huyện gửi Phòng Nội vụ thẩm tra nhiệm vụ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch để tổng hợp, tham mưu cân đối ngân sách huyện cho triển khai kế hoạch cải cách hành chính, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị. Thời gian gửi dự toán kinh phí cùng kỳ với việc gửi báo cáo dự toán hàng năm.

b) Xây dựng các đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính chuyên đề trình UBND huyện phê duyệt theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.

c) Triển khai hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch, lập dự toán ngân sách cải cách hành chính hàng năm. Đồng thời đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ.

d) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân huyện tình hình thực hiện Chương trình, kế hoạch theo hướng dẫn của Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.



đ) Các Phòng, ngành chủ trì các đề án, dự án, kế hoạch có quy mô toàn huyện được nêu trong Phụ lục kèm theo quyết định này có trách nhiệm phối hợp với các phòng, ban, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai theo quy định hiện hành.

## 2. Phòng Nội vụ:

a) Là cơ quan thường trực tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình.

d) Hướng dẫn các phòng, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, báo cáo cải cách hành chính theo quy định. Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình, kế hoạch; báo cáo cơ quan có thẩm quyền hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

đ) Theo chức năng nhiệm vụ được giao, thẩm định các đề án cải cách hành chính do các phòng, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng, phối hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

e) Tham mưu triển khai thực hiện việc sửa đổi, bổ sung bộ chỉ số và triển khai công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính hàng năm các phòng, ngành, đơn vị, địa phương.

g) Tham mưu triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

h) Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các phòng, ban, ngành, đơn vị, địa phương.

i) Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác tuyên truyền về cải cách hành chính.

## 3. Phòng Tư pháp:

a) Theo dõi, chỉ đạo, tổng hợp việc triển khai, thực hiện nội dung cải cách thể chế.

b) Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật.

## 4. Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện:

a) Chủ trì tham mưu triển khai, thực hiện nội dung cải cách thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch huyện và của UBND tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý, vận hành Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử; hệ thống họp trực tuyến; hệ thống



thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch UBND huyện; Hệ thống thông tin báo cáo, Công thông tin điện tử huyện.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh truyền thông về hoạt động cải cách hành chính, đa dạng hóa các hình thức tương tác giữa người dân với tổ chức cung ứng dịch vụ công.

#### 5. Phòng Tài chính-Kế hoạch:

a) chủ trì xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quản lý ngân sách, cải cách tài chính công.

b) Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được hỗ trợ từ ngân sách chi thường xuyên.

c) Chủ trì tham mưu triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI).

#### 7. Phòng Văn hóa Thông tin:

a) Chủ trì triển khai, thực hiện nội dung phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số; Hệ thống liên thông văn bản của huyện; các cơ sở dữ liệu của huyện, phòng, ban, ngành, đơn vị, địa phương.

b) Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

c) Tham mưu ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đẩy mạnh xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với điều kiện của huyện.

#### 8. Phòng Y tế:

a) Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ y tế. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

b) Chủ trì xây dựng và thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

#### 9. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Chủ trì xây dựng và thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

#### 10. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội:

Chủ trì tham mưu thực hiện nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

#### 11. Phòng Kinh tế-Hạ tầng:

Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính, kế hoạch đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng





cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ lĩnh vực khoa học và công nghệ công lập.

12. Trung tâm văn hóa, Thể thao và Truyền thông, Cổng Thông tin điện tử, xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền Chương trình và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính của các phòng, ban, ngành, đơn vị Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.



## Phụ lục

**DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
QUY MÔ CẤP HUYỆN GIAI ĐOẠN 2021-2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Kỳ)*

TT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
01	Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới và nâng cao chất lượng ban hành văn bản QPPL giai đoạn 2021-2025	Phòng Tư pháp	2022
02	Quy chế phối hợp công tác theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật	Phòng Tư pháp	2022
02	Sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ số và quy định theo dõi, đánh giá, xếp hạng CCHC	Phòng Nội vụ	Hàng năm khi có yêu cầu
03	Phương án triển khai “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công”.	Phòng Y tế	2022 và các năm tiếp theo
04	Phương án triển khai “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công”.	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2022 và các năm tiếp theo
05	Kế hoạch thực hiện quy định về đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan, đơn vị gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra	Phòng Tài chính kế hoạch	Sau khi có quy định của trung ương, của tỉnh
06	Các Đề án, kế hoạch thực hiện Đề án cải cách tài chính công	Phòng Tài chính kế hoạch	Theo yêu cầu
07	Xây dựng hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp huyện (LGSP)	Phòng Văn hóa Thông tin	2021
08	Các đề án về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước cấp huyện	Phòng Văn hóa Thông tin	2021-2025
09	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống đài truyền thanh từ huyện đến cơ sở ứng dụng CNTT-VT	Phòng Văn hóa Thông tin	2021
10	Xây dựng hệ thống trạm BTS ở các xã thuộc vùng lõm về mạng viễn thông.	Phòng Văn hóa Thông tin	2021



11	Dự án phòng họp thông minh; hệ thống báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện.	Văn phòng HĐND-UBND	2022
12	Kế hoạch nâng cấp Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin Một cửa điện tử	Văn phòng HĐND-UBND	2022
13	Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc	Văn phòng HĐND-UBND	2022
14	Đề án nâng cấp Cổng thông tin điện tử huyện; cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử huyện và xây dựng Cổng TTĐT các xã về đích NTM nâng cao.	Phòng Văn hóa Thông tin	Quý II/2022
15	Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh	Phòng Văn hóa Thông tin	2030
16	Các chương trình, đề án của phòng, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Phòng Nội vụ, Phòng TC-KH	2021-2030

